SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH HÒA BÌNH
CHI CỤC KIỂM LÂM HÒA BÌNH

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN THƯỢNG TIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2030

Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hòa Bình

Đơn vị tư vấn: Liên danh nhà thầu Trường Đại học Lâm nghiệp – Công ty CP Khoa học-Công nghệ và Quản lý rừng bền vững

Hòa Bình, năm 2021

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH HÒA BÌNH
CHI CỤC KIỂM LÂM HÒA BÌNH

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN THƯỢNG TIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2030

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	
CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH HÒA BÌNH	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	CÔNG TY CP KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

Đỗ Quang Huy

Hòa Bình, năm 2021

MỤC LỤC

Phần 1 1
Nội dung phương án 1
MỞ ĐẦU 1
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng 1
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững (sau đây viết tắt là phương án) 2
Chương 1 3
CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN 3
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC 3
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương 3
2. Văn bản của địa phương 6
II. Cam kết quốc tế 7
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG 7
1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng 7
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng 7
3. Bản đồ 8
4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh 8
5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị 8
Chương 2 9
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ 9
I. THÔNG TIN CHUNG 9
1. Tên đơn vị 9
3. Thông tin liên lạc 9
4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng 9
5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị 10
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG 10
1. Vị trí địa lý, địa hình 10
2. Khí hậu 11
3. Thủy văn 12
4. Địa chất và thổ nhưỡng 12
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI 13
1. Dân số, dân tộc, lao động 13

2. Kinh tế: những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư 13
3. Xã hội: thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa 14
IV. GIAO THÔNG 15
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực 15
2. Hệ thống giao thông đường thủy 15
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG 15
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà đơn vị đang triển khai, thực hiện 15
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường 16
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT 18
1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng 18
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất 18
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG 19
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng 19
2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng 20
3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ 21
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN 23
1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm... hiện có 23
2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị...của chủ rừng 23
3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện 24
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC 25
1. Quản lý rừng tự nhiên 25
2. Quản lý rừng trồng 26
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng 26
4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ 27
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học 27
6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học 34
IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG 35
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 35
2. Phân khu phục hồi sinh thái 37
3. Phân khu dịch vụ, hành chính 41

4. Vùng đệm: diện tích, hiện trạng vùng đệm ngoài, vùng đệm trong (nếu có) 43
IX-B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KỀ 44
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công 44
2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng 44
3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng 45
Chương 3 46
MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN 46
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG 46
1. Mục tiêu chung 46
2. Mục tiêu cụ thể 46
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 47
IV. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ 49
1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng 49
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý 50
IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC 51
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học 51
2. Kế hoạch phát triển rừng 66
3. Khai thác lâm sản 68
4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực 68
5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí 69
6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng 72
7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng 76
8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng 78
9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học 79
10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng 81
V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ 83
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững 83
2. Nguồn vốn đầu tư 84
3. Phân kỳ vốn đầu tư 86
VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN 87

1. Giải pháp về công tác quản lý 87
2. Giải pháp về đào tạo phát triển nguồn nhân lực 87
3. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan 88
4. Giải pháp về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường 88
5. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư 89
6. Giải pháp về hợp tác quốc tế 90
7. Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng 90
8. Giải pháp về phát triển du lịch sinh thái 91
VII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN 92
1. Hiệu quả về môi trường 92
2. Hiệu quả về xã hội 92
3. Hiệu quả về kinh tế 93
Chương 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN 94
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ 94
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT 97
1. Mục đích của việc kiểm tra, giám sát 97
2. Nội dung kiểm tra, giám sát 98
3. Nhiệm vụ của từng cấp khi thực hiện giám sát, đánh giá 99
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 101
1. Kết luận 101
2. Kiến nghị 102

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Hiện trạng tài nguyên rừng của KBTTN Thượng Tiến 19
Bảng 2. Hiện trạng về trữ lượng rừng của KBTTN Thượng Tiến 21
Bảng 3. Tổng hợp các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng Khu BTTN Thượng Tiến 23
Bảng 4. Tổng hợp số lượng phương tiện, thiết bị hiện có Khu BTTN Thượng Tiến 24
Bảng 5. Thành phần thực vật rừng Khu BTTN Thượng Tiến..... 28
Bảng 6. Thành phần động vật rừng Khu BTTN Thượng Tiến..... 28
Bảng 7. Thành phần côn trùng rừng Khu BTTN Thượng Tiến 29
Bảng 8. Danh sách các loài đặc hữu của Việt Nam tại Khu BTTN Thượng Tiến 30
Bảng 9. Hiện trạng rừng trong phân khu BVNN Khu BTTN Thượng Tiến 36
Bảng 10. Hiện trạng rừng trong phân khu PHST Khu BTTN Thượng Tiến..... 38
Bảng 11. Hiện trạng rừng trong phân khu DVHC Khu BTTN Thượng Tiến 41
Bảng 12. Các nguồn kinh phí được cấp của KBTTN Thượng Tiến qua các năm 45
Bảng 13. Các nguồn chi của KBTTN Thượng Tiến qua các năm 45
Bảng 14. Kế hoạch khoán quản lý bảo vệ rừng Khu BTTN Thượng Tiến 49
Bảng 15. Tổng hợp hoạt động bảo vệ rừng và thời gian thực hiện 55
Bảng 16. Tổng hợp các hoạt động PCCCR Khu BTTN Thượng Tiến 58
Bảng 17. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và thời gian thực hiện 66
Bảng 18. Bảng tổng hợp kế hoạch trồng rừng đặc dụng giai đoạn 2021 – 2030 của Khu BTTN Thượng Tiến..... 67
Bảng 19. Tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học dự kiến trong giai đoạn 2021-2030 tại Khu BTTN Thượng Tiến..... 68
Bảng 20. Dự kiến các tuyến tuần tra tại Khu BTTN Thượng Tiến..... 73
Bảng 21. Dự kiến xây dựng và cải tạo các tuyến tuần tra giai đoạn 2021-2030 tại Khu BTTN Thượng Tiến..... 74
Bảng 22. Danh sách cơ sở hạ tầng cần sửa chữa, xây dựng mới 74
Bảng 23. Danh sách các trang thiết bị cần đầu tư mua sắm 75
Bảng 24. Danh mục các công trình phúc lợi cần sửa chữa 76
Bảng 25. Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật..... 80
Bảng 26. Tổng hợp nhu cầu vốn Khu BTTN Thượng Tiến giai đoạn 2021-2030..... 84
Bảng 27. Tổng hợp nhu cầu vốn theo các nguồn khác nhau của Khu BTTN Thượng Tiến giai đoạn 2021-2030 85
Bảng 28. Tổng hợp nhu cầu vốn theo các năm của Khu BTTN Thượng Tiến giai đoạn 2021-2030..... 86

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
BVTV	Bảo vệ thực vật
CBNV	Cán bộ nhân viên
CITES	Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ký tại Washington D.C ngày 01/3/1973
CS	Chăm sóc
CSHT	Cơ sở hạ tầng
DLST	Du lịch sinh thái
DVDL&GDMT	Dịch vụ du lịch và giáo dục môi trường
ĐDSH	Đa dạng sinh học
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
HCDV	Hành chính dịch vụ
HCV	Rừng có giá trị bảo tồn cao
IUCN	Danh lục Đỏ IUCN 2020
KBT	Khu bảo tồn
KBTTN	Khu bảo tồn thiên nhiên
KNXTTS	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh
PAQLRBV	Phương án quản lý rừng bền vững
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PHST	Phục hồi sinh thái
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
SĐVN	Sách Đỏ Việt Nam 2007
TĐMT	Tác động môi trường
UBND	Ủy Ban nhân dân

PHẦN 1
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN
MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

Ban Quản lý (BQL) Khu bảo tồn Thiên nhiên Thượng Tiến được thành lập theo Quyết định số 1242/QĐ-UB của UBND tỉnh Hòa Bình ngày 09/10/2000 với tổng diện tích của KBT là 7.308 ha. BQL chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, sở Nông nghiệp và PTNT, và pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, cho đến nay, diện tích rừng và đất rừng đặc dụng đơn vị được giao quản lý là 6.314,40ha trong đó diện tích đất có rừng là 6.086,73 ha; diện tích đất trống không có rừng là 227,67ha, nằm trên địa bàn 03 xã đó là xã Kim Bôi, xã Hợp Tiến (trước là Thượng Tiến và Kim Tiến) của huyện Kim Bôi và xã Quý Hòa huyện Lạc Sơn.

Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến là một trong các Khu bảo tồn được thành lập đầu tiên ở tỉnh Hòa Bình. Thượng Tiến nằm ở cửa ngõ của vùng sinh thái Tây - Bắc Việt Nam nơi có nhiều hệ sinh thái đặc biệt và cũng là những vùng phân bố quan trọng của nhiều loài động, thực vật quan trọng của Việt Nam và của bán đảo Đông Dương. Về động vật, cho đến thời điểm hiện tại có 283 loài động vật có xương sống, trong đó có 60 loài thú, 128 loài chim, 55 loài bò sát, 40 loài ếch nhái đã được ghi nhận trong KBT. Trong số các loài động vật đó, có 31 loài nằm trong SĐVN 2007, 23 loài nằm trong IUCN 2021, 48 loài nằm trong Nghị định 06/2019 NĐCP, 35 trong Phụ lục của CITES (2019). Về thực vật, tổng số có 773 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 475 chi, 145 họ trong 4 ngành, có 232 loài quý hiếm, gồm: 23 loài trong Sách Đỏ Việt Nam, 32 loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP; 193 loài trong Danh lục Đỏ của IUCN. Với tính đa dạng sinh học cao, Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến đóng vai trò vô cùng quan trọng trong chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học của quốc gia, khu vực và quốc tế.

Để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích được giao, Ban quản lý Khu BTTN Thượng Tiến đã tổ chức giao khoán một phần diện tích rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ, thành lập lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền các xã Kim Bôi, xã Hợp Tiến, và xã Quý Hòa trong tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, tổ chức tuần tra phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, tổ chức các hoạt động phát triển rừng như khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng để tăng diện tích rừng của đơn vị. Với sự chủ động, tích cực của đơn vị, sự phối kết hợp của chính quyền địa phương, lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị có liên quan và sự ủng hộ của người dân các xã diện tích rừng Khu BTTN Thượng Tiến cơ bản được bảo vệ tốt (một số diện tích khi giao là đất chưa có rừng nay đã phát triển thành rừng), chất lượng rừng được cải thiện, việc thực hiện các hoạt động

khoán quản lý bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi đã góp phần tăng thu nhập cho người dân từ đó tăng hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng....

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Ban quản lý Khu BTTN Thượng Tiến vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như tỷ lệ diện tích rừng bị suy thoái còn lớn, rừng nghèo chiếm diện tích chủ yếu trong KBT, công tác phát triển rừng mới chỉ tập trung cho hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng, các biện pháp làm giàu rừng chưa được thực hiện... Nguyên nhân chủ yếu do nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, các công trình phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng chưa được đầu tư, người dân vẫn còn các hoạt động tác động xấu đến rừng (canh tác nương rẫy, chăn thả gia súc tự do, thu hái lâm sản phục vụ đời sống hàng ngày...). Ngoài ra còn phải kể đến mức hỗ trợ từ các hoạt động khoán quản lý bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng còn thấp, trong khi công tác tuần tra, bảo vệ, PCCCR tương đối vất vả dẫn đến nhiều nơi cộng đồng dân cư bản không mặn mà với công tác nhận khoán quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng...

2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững (sau đây viết tắt là phương án)

Quản lý rừng bền vững đã trở thành xu hướng chung của thế giới và là một trong những mục tiêu chiến lược, lâu dài của Việt Nam; vì vậy, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 11 năm 2018, Thông tư số 28/2018/TT-BNN ngày 16/11/2018 đã quy định *"Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững"*.

Hiện nay, các hoạt động chính của Khu bảo tồn tập trung vào công tác quản lý bảo vệ rừng, các hoạt động dịch vụ mới manh nha và mờ nhạt. Các chương trình phối hợp phát triển kinh tế - xã hội cho người dân vùng đệm còn rất hạn chế. Những tiềm năng, thế mạnh của Khu bảo tồn phục vụ cho các hoạt động Dịch vụ môi trường rừng và các dịch vụ cộng đồng khác chưa được chú trọng khai thác trong khi nhu cầu cho các hoạt động này ngày càng cao. Để nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tận dụng những tiềm năng và thế mạnh của khu bảo tồn nhằm phát triển các hoạt động sử dụng rừng bền vững mang lại nguồn tài chính bền vững, thực hiện các nội dung xây dựng *"Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý Khu BTTN Thượng Tiến giai đoạn 2021 - 20230"* là hết sức cần thiết cho Ban quản lý Khu BTTN Thượng Tiến.Việc xây dựng và thực hiện quản lý rừng bền vững giúp chủ rừng thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng rừng bền vững sao cho vừa duy trì được tính đa dạng sinh học, năng suất, khả năng tái sinh, sinh trưởng và phát triển đồng thời tận dụng tối đa những dịch vụ hệ sinh thái mà rừng mang lại.